

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

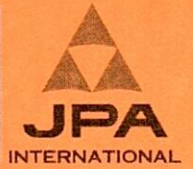
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toán, Phường Phước Ninh.

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC KON TUM

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	07 - 08
4. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cấp nước Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 17/08/2018 của UBND tỉnh Kon Tum từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100103828 ngày 30/03/1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/05/2020.

Vốn điều lệ: 83.302.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2021: 83.302.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum
- Điện thoại : 0260.3862246

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Thanh Bình	Chủ tịch	28/11/2018	
Ông Phan Quốc Hòa	Thành viên	28/11/2018	
Ông Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên	25/04/2020	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4.2. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phan Quốc Hòa	Tổng Giám đốc	28/11/2018
Ông Văn Hải Chánh	Phó Tổng Giám đốc	15/01/2019
Ông Lê Vũ Thành	Phó Tổng Giám đốc	05/04/2019
Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc	Kế toán trưởng	15/01/2019

5. Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này :

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đặng Thanh Bình	Chủ tịch
Ông Phan Quốc Hòa	Tổng giám đốc

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Kon Tum cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 29.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



PHAN QUỐC HÒA

Tổng Giám đốc

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2022



Số: 01/2022/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần cấp nước Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2022, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần cấp nước Kon Tum tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Đà Nẵng, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng- **VIETVALUES**



Trần Xuân Thạnh - Phó Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 1650-2018-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Huỳnh Minh Hưng - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 3402-2020-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC KON TUM

Địa chỉ: 182 Trần Phú - Phường Trường Chinh - TP. Kon Tum - Kon Tum

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.740.032.236	19.077.925.741
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	389.262.436	4.702.670.631
111	1. Tiền		389.262.436	202.670.631
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		17.800.000.000	8.225.671.232
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	17.800.000.000	8.225.671.232
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.170.918.022	935.951.105
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	53.427.746	285.395.489
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		35.345.000	-
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	1.082.145.276	650.555.616
140	IV. Hàng tồn kho		4.308.953.384	5.045.373.356
141	1. Hàng tồn kho	V.5	4.308.953.384	5.045.373.356
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		70.898.394	168.259.417
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	70.898.394	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	-	168.259.417
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		74.166.503.061	84.162.922.438
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		73.117.045.409	82.910.396.725
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	73.001.545.409	82.728.896.725
222	- Nguyên giá		215.768.220.066	216.309.810.294
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(142.766.674.657)	(133.580.913.569)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.8	115.500.000	181.500.000
228	- Nguyên giá		260.000.000	260.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(144.500.000)	(78.500.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.049.457.652	1.252.525.713
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	1.049.457.652	1.252.525.713
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		97.906.535.297	103.240.848.179

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC KON TUM

Địa chỉ: 182 Trần Phú - Phường Trường Chinh - TP. Kon Tum - Kon Tum

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		10.444.299.147	17.252.371.191
310	I. Nợ ngắn hạn		5.474.577.147	10.682.649.191
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	285.135.297	560.076.943
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	29.975.766	113.845.062
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	598.216.341	517.643.674
314	4. Phải trả người lao động	V.12	301.448.152	343.510.020
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	-
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	2.494.858.192	2.509.780.610
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14a	1.600.000.000	6.353.117.183
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	164.943.399	284.675.699
330	II. Nợ dài hạn		4.969.722.000	6.569.722.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.14b	4.969.722.000	6.569.722.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		87.462.236.150	85.988.476.988
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.16	87.462.236.150	85.988.476.988
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		83.302.000.000	83.302.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		83.302.000.000	83.302.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu		-	-
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		751.960.000	-
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.408.276.150	2.686.476.988
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	(1.730.536.916)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.408.276.150	4.417.013.904
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		97.906.535.297	103.240.848.179

Người lập biểu


NGUYỄN THỊ KIM NGỌC

Kế toán trưởng


NGUYỄN THỊ KIM NGỌC



Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám Đốc


PHAN QUỐC HÒA

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC KON TUM

Địa chỉ: 182 Trần Phú - Phường Trường Chinh - TP. Kon Tum - Kon Tum

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	30.647.010.273	31.814.324.561
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.647.010.273	31.814.324.561
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	22.761.236.135	23.408.715.564
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.885.774.138	8.405.608.997
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	842.126.640	490.788.886
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	490.115.602	537.311.768
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		490.115.602	537.311.768
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	3.753.147.528	3.586.583.710
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.484.637.648	4.772.502.405
31	11. Thu nhập khác	VI.6	84.952.110	308.500
32	12. Chi phí khác	VI.7	685.378.440	125.731.948
40	13. Lợi nhuận khác		(600.426.330)	(125.423.448)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.884.211.318	4.647.078.957
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	475.764.456	230.065.053
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.408.446.862	4.417.013.904
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	368	498
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	368	498

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ KIM NGỌC

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ KIM NGỌC

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám Đốc



PHAN QUỐC HÒA

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC KON TUM

Địa chỉ: 182 Trần Phú - Phường Trường Chinh - TP. Kon Tum - Kon Tum

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		35.116.553.906	36.348.195.118
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(8.607.343.721)	(8.933.349.201)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(5.677.436.045)	(6.531.850.782)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(490.115.602)	(544.570.406)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(284.589.070)	(182.883.387)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.569.168.879	1.364.202.966
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.722.587.584)	(5.962.633.004)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	V.11	12.903.650.763	15.557.111.304
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(396.717.273)	(2.472.015.367)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		136.363.637	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(22.300.000.000)	(8.225.671.232)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		12.725.671.232	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		636.780.629	382.794.760
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.197.901.775)	(10.314.891.839)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.2	-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.3	(6.353.117.183)	(5.500.000.000)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.666.040.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(8.019.157.183)	(5.500.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(4.313.408.195)	(257.780.535)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		4.702.670.631	4.960.451.166
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	389.262.436	4.702.670.631

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2022

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN THỊ KIM NGỌC



NGUYỄN THỊ KIM NGỌC



PHAN QUỐC HÒA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Kon Tum (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 869/QĐ-UBND ngày 17/08/2018 của UBND tỉnh Kon Tum từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6100103828 ngày 30/03/1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07/05/2020.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong lĩnh vực khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty không có đơn vị trực thuộc không có pháp nhân hạch toán phụ thuộc và không đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Đường ống, phù tùng lắp đặt đường ống và các vật tư khác: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi thực hiện cổ phần hóa, giá trị lợi thế kinh doanh được phê duyệt bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo phương pháp đường thẳng trong 30 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 18
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	04 - 10

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán và chi phí trực tiếp của khối lượng hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u> <u>(31/12/2021)</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(01/01/2021)</u>
Tiền mặt	85.351.760	58.908.088
Tiền gửi ngân hàng	303.910.676	143.762.543
Các khoản tương đương tiền	-	4.500.000.000
Cộng	<u>389.262.436</u>	<u>4.702.670.631</u>

Các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u> <u>(31/12/2021)</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>(01/01/2021)</u>
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	-	4.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam	-	3.000.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	-	1.500.000.000
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>4.500.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh - TP. Kon Tum - Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	5.000.000.000	5.000.000.000	8.225.671.232	8.225.671.232
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	-	-	4.121.676.712	4.121.676.712
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	4.103.994.520	4.103.994.520
- Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng	12.800.000.000	12.800.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quốc Dân	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh	7.800.000.000	7.800.000.000	-	-
Cộng	17.800.000.000	17.800.000.000	8.225.671.232	8.225.671.232

3. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	Số cuối năm (31/12/2021)	Số đầu năm (01/01/2021)
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	53.427.746	285.395.489
Công ty TNHH Hoàng Thiên Thuận	-	27.043.152
Công an Tỉnh Kon Tum	-	16.035.600
Các đối tượng khác	53.427.746	242.316.737
Cộng	53.427.746	285.395.489

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm (31/12/2021)		Số đầu năm (01/01/2021)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.082.145.276	-	650.555.616	-
Phải thu thuế TNCN	-	-	18.833.150	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	313.340.137	-	107.994.126	-
Tạm ứng CBCNV	762.469.139	-	523.728.340	-
Các đối tượng phải thu khác	6.336.000	-	-	-
Cộng	1.082.145.276	-	650.555.616	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm (31/12/2021)		Số đầu năm (01/01/2021)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.305.594.712	-	5.032.588.165	-
Chi phí SXKD dở dang	3.358.672	-	12.785.191	-
Cộng	4.308.953.384	-	5.045.373.356	-

6. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm (31/12/2021)	Số đầu năm (01/01/2021)
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	57.902.083	-
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm	12.996.311	-
Cộng	70.898.394	-

Tình hình biến động trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Số dư đầu kỳ	-	-
Tăng trong năm	127.557.736	-
Phân bổ trong năm	(56.659.342)	-
Cộng	70.898.394	-

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm (31/12/2021)	Số đầu năm (01/01/2021)
Lợi thế kinh doanh	-	38.249.983
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	43.634.465	257.256.560
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	212.257.549	483.494.259
Chi phí lắp đặt ống nhánh	793.565.638	473.524.911
Cộng	1.049.457.652	1.252.525.713

Tình hình biến động trong năm

	Năm 2021	Năm 2020
Số dư đầu kỳ	1.252.525.713	1.007.873.641
Tăng trong năm	705.130.480	1.562.747.708
Phân bổ trong năm	(908.198.541)	(1.318.095.636)
Số dư cuối năm	1.049.457.652	1.252.525.713

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh - TP. Kon Tum - Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	11.929.871.888	200.806.764.133	3.541.674.273	31.500.000	216.309.810.294
Mua sắm trong năm	-	953.409.772	-	35.000.000	988.409.772
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.530.000.000)	-	(1.530.000.000)
Số cuối năm	11.929.871.888	201.760.173.905	2.011.674.273	66.500.000	215.768.220.066
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	5.315.201.495	125.924.127.044	2.312.492.832	29.092.198	133.580.913.569
Khấu hao trong năm	639.750.569	9.804.152.657	182.032.674	4.905.833	10.630.841.733
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.445.080.645)	-	(1.445.080.645)
Số cuối năm	5.954.952.064	135.728.279.701	1.049.444.861	33.998.031	142.766.674.657
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	6.614.670.393	74.882.637.089	1.229.181.441	2.407.802	82.728.896.725
Số cuối năm	5.974.919.824	66.031.894.204	962.229.412	32.501.969	73.001.545.409

- Giá trị còn lại của TSCĐ để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021: 41.975.687.701 đồng. Xem thuyết minh số V.16.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 40.000.000 đồng.

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	260.000.000	260.000.000
Mua sắm trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	260.000.000	260.000.000
<i>Trong đó:</i>		
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	62.000.000	62.000.000
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	78.500.000	78.500.000
Khấu hao trong năm	66.000.000	66.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	144.500.000	144.500.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	181.500.000	181.500.000
Số cuối năm	115.500.000	115.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm (31/12/2021)	Số đầu năm (01/01/2021)
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	285.135.297	560.076.943
Công ty Cổ phần Hawaco miền Trung	-	236.500.000
Chi nhánh Công ty TNHH ĐT-TM Minh Hòa	-	76.302.600
Công ty TNHH Ha Đạt	-	61.413.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thái Đạt	247.200.000	-
Công ty TNHH Vận tải TM - DV Vạn An	26.040.009	-
Các đối tượng khác	11.895.288	185.861.343
Cộng	285.135.297	560.076.943

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm (31/12/2021)	Số đầu năm (01/01/2021)
<i>Người mua trả tiền trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước khác</i>	29.975.766	113.845.062
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh	9.420.319	-
Công ty Cổ phần Vincom Retail	-	83.667.445
Các đối tượng khác	20.555.447	30.177.617
Cộng	29.975.766	113.845.062

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm (01/01/2021)		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm (31/12/2021)	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT	181.454.579	-	932.631.533	879.091.259	234.994.853	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	168.259.417	475.764.456	284.589.070	22.915.969	-
Thuế thu nhập cá nhân	125.129.801	-	108.635.321	131.787.801	101.977.321	-
Thuế tài nguyên	-	-	226.562.350	209.741.172	16.821.178	-
Thuế nhà đất	-	-	252.159.199	243.575.099	8.584.100	-
Các loại thuế khác	211.059.294	-	2.714.713.101	2.712.849.475	212.922.920	-
Cộng	517.643.674	168.259.417	4.710.465.960	4.461.633.876	598.216.341	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

- Đối với hoạt động cung cấp nước sinh hoạt áp dụng mức thuế suất 5%.
- Đối với hoạt động lắp đặt áp dụng mức thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

- Các sản phẩm khác áp dụng theo quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp hoạt động sản xuất nước máy là 10%
- Thuế suất thuế TNDN cho hoạt động khác là 20%.
- Ngoài ra, năm 2020 Công ty còn được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo quy định tại Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tính như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.884.211.318	4.647.078.957
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	490.414.723	197.731.948
- Các khoản điều chỉnh tăng	500.378.440	197.731.948
+ Thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách	60.000.000	72.000.000
+ Chi phí không hợp lý hợp lệ khác	440.378.440	125.731.948
- Các khoản điều chỉnh giảm	9.963.717	-
+ Chi phí khấu hao chưa được tính thuế năm 2020	9.963.717	-
Thu nhập chịu thuế	4.374.626.041	4.844.810.905
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động hưởng ưu đãi 10%	4.190.119.995	4.614.263.818
- Thu nhập chịu thuế của hoạt động chịu thuế 20%	184.506.046	230.547.087
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
- Chuyển lỗ hoạt động hưởng ưu đãi 10%	-	(1.456.359.452)
- Chuyển lỗ hoạt động chịu thuế 20%	-	(166.177.464)
Thu nhập tính thuế	4.374.626.041	3.222.273.989
- Thu nhập tính thuế của hoạt động hưởng ưu đãi 10%	4.190.119.995	3.157.904.366
- Thu nhập tính thuế của hoạt động chịu thuế 20%	184.506.046	64.369.623
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	20%
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	455.913.209	328.664.361
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung năm trước	19.851.247	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 30% theo Nghị định 114/2020/NĐCP	-	98.599.308
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	475.764.456	230.065.053

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12. Phải trả người lao động

	Số cuối năm (31/12/2021)	Số đầu năm (01/01/2021)
Tiền lương phải trả	301.448.152	343.510.020
Cộng	301.448.152	343.510.020

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm (31/12/2021)	Số đầu năm (01/01/2021)
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>2.494.858.192</i>	<i>1.739.459.847</i>
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	-	3.735.785
Phải trả tiền mượn vật tư (OECF) làm Công trình làng nghề phường Lê Lợi	770.320.763	770.320.763
Phải trả tiền vật tư OECF (Tồn kho Ông Chánh bàn giao lại cho ông Đồi)	1.476.972.971	1.476.972.971
Phí bảo vệ môi trường (Phần giữ lại 10%)	-	165.592.412
Phí dịch vụ môi trường rừng và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	49.466.136	47.540.640
Kỹ quỹ lắp đặt hệ thống cấp nước	94.750.000	24.000.000
Kỹ quỹ, ký cược vô bình	-	15.002.000
Các khoản phải trả khác	103.348.322	6.616.039
Cộng	2.494.858.192	2.509.780.610

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**14a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.600.000.000	1.600.000.000	6.353.117.183	6.353.117.183
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum	-	-	5.853.117.183	5.853.117.183
- Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Kon Tum	1.600.000.000	1.600.000.000	500.000.000	500.000.000
Cộng	1.600.000.000	1.600.000.000	6.353.117.183	6.353.117.183

14b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm (31/12/2021)		Số đầu năm (01/01/2021)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	4.969.722.000	4.969.722.000	6.569.722.000	6.569.722.000
- Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Kon Tum	4.969.722.000	4.969.722.000	6.569.722.000	6.569.722.000
Cộng	4.969.722.000	4.969.722.000	6.569.722.000	6.569.722.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Hợp đồng vay số 01/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 25/01/2017, Phụ lục hợp đồng số 02/2019/PLHĐTD-ĐTPT ngày 07/03/2019 với thời hạn vay: 12 năm từ năm 2017 đến năm 2028, mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán chi phí xây lắp trong phạm vi tổng mức đầu tư dự án Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước TP. Kon Tum. Lãi suất cho vay: 7%/năm. Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án (Xem thuyết minh số V.7)

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm (01/01/2021)	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm (31/12/2021)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	284.675.699	268.647.700	388.380.000	164.943.399
Cộng	284.675.699	268.647.700	388.380.000	164.943.399

16. Vốn chủ sở hữu**16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
Số tại ngày 01/01/2020	83.302.000.000	-	(1.730.536.916)	81.571.463.084
Tăng trong kỳ	-	-	4.417.013.904	4.417.013.904
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	83.302.000.000	-	2.686.476.988	85.988.476.988
Số dư tại ngày 01/01/2021	83.302.000.000	-	2.686.476.988	85.988.476.988
Tăng trong năm	-	751.960.000	3.408.446.862	4.160.406.862
Giảm trong năm	-	-	(2.686.647.700)	(2.686.647.700)
Số dư tại ngày 31/12/2021	83.302.000.000	751.960.000	3.408.276.150	87.462.236.150

Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐCD ngày 03 tháng 04 năm 2021. Cụ thể:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 751.960.000 đồng.
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 268.647.700 đồng.
- Chia cổ tức bằng tiền mặt: 1.666.040.000 đồng.

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	Tỷ lệ %	01/01/2021	Tỷ lệ %
Công ty CP Đầu tư Đà Nẵng - Miền Trung	47.428.300.000	56,94%	47.428.300.000	56,94%
Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum	29.155.700.000	35,00%	29.155.700.000	35,00%
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	3.300.000.000	3,96%	3.300.000.000	3,96%
Ông Đặng Văn Quang	1.486.000.000	1,78%	1.486.000.000	1,78%
Các cổ đông khác	1.932.000.000	2,32%	1.932.000.000	2,32%
Cộng	83.302.000.000	100%	83.302.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	83.302.000.000	83.302.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	83.302.000.000	83.302.000.000
- Cổ tức đã chia	1.666.040.000	-

16d. Cổ phiếu

	Số cuối năm (31/12/2021)	Số đầu năm (01/01/2021)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.330.200	8.330.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.330.200	8.330.200
- Cổ phiếu thường	8.330.200	8.330.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.330.200	8.330.200
- Cổ phiếu thường	8.330.200	8.330.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu cung cấp nước sạch	29.488.999.191	30.302.325.075
Doanh thu lắp đặt	889.916.065	1.251.750.435
Doanh thu khác	268.095.017	260.249.051
Cộng	30.647.010.273	31.814.324.561

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn cung cấp nước sạch	22.094.471.390	23.086.469.963
Giá vốn lắp đặt	666.764.745	953.672.655
Cộng	22.761.236.135	24.040.142.618

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	842.126.640	490.788.886
Cộng	<u>842.126.640</u>	<u>490.788.886</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Lãi tiền vay	490.115.602	537.311.768
Cộng	<u>490.115.602</u>	<u>537.311.768</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Chi phí nguyên liệu, công cụ dụng cụ	2.892.349	5.624.748
Chi phí nhân viên quản lý	2.041.588.398	1.904.411.971
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	401.680.293	239.257.023
Lợi thế kinh doanh	61.199.973	91.799.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.160.657	247.189.813
Chi phí khác bằng tiền	1.126.555.858	1.098.300.196
Cộng	<u>3.787.077.528</u>	<u>3.586.583.710</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	58.610.949	-
Thu nhập khác	26.341.161	308.500
Cộng	<u>84.952.110</u>	<u>308.500</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2020</u>
Chi phí ủng hộ covid 19	614.000.000	-
Xử lý công nợ phải thu	61.692.165	78.708.311
Xử lý chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	47.023.637
Phạt vi phạm hành chính	9.686.275	-
Cộng	<u>685.378.440</u>	<u>125.731.948</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8. Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.408.446.862	4.417.013.904
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(340.844.686)	(268.647.700)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(340.844.686)	(268.647.700)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.067.602.176	4.148.366.204
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	8.330.200	8.330.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	368	498

(*) Do Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 chưa quy định cụ thể về việc phân phối lợi nhuận năm 2021 nên quỹ Khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 10% lợi nhuận sau thuế lũy kế (bằng tỷ lệ trích lập quỹ Khen thưởng phúc lợi trong năm).

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.067.602.176	4.417.013.904
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.330.200	8.330.200
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	368	530

10. Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	5.771.416.471	6.399.186.357
Chi phí nhân công	7.335.437.847	7.635.695.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.696.841.733	10.479.121.404
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.445.371.503	1.048.309.722
Chi phí khác	1.583.826.598	1.517.414.372
Cộng	26.832.894.152	27.079.727.691

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền trả nợ gốc vay**

	Năm 2021	Năm 2020
Tiền chi trả nợ vay theo kế ước thông thường	6.353.117.183	5.500.000.000
Cộng	6.353.117.183	5.500.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban QLĐH	Chức danh	Năm 2021			Năm 2020		
			Tiền lương	Thù lao/tiền thưởng	Cộng	Tiền lương	Thù lao/Tiền thưởng	Cộng
1	Ông Đặng Thanh Bình	Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT	439.880.700	5.000.000	444.880.700	287.493.000	27.713.000	315.206.000
2	Ông Phan Quốc Hòa	kiêm Tổng Giám đốc	375.116.705	5.500.000	380.616.705	359.996.000	25.714.000	385.710.000
3	Ông Nguyễn Trường Ảnh	Thành viên HĐQT	-	77.000.000	77.000.000	-	46.000.000	46.000.000
4	Ông Văn Hải Chánh	Phó Tổng Giám đốc	324.753.511	5.500.000	330.253.511	309.775.400	22.286.000	332.061.400
5	Ông Lê Vũ Thành	Phó Tổng Giám đốc	293.868.470	5.500.000	299.368.470	282.556.100	20.571.000	303.127.100
6	Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc	Kế toán trưởng	301.686.511	5.500.000	307.186.511	287.994.000	20.571.000	308.565.000
	Tổng cộng		1.735.305.897	104.000.000	1.839.305.897	1.527.814.500	162.855.000	1.690.669.500

2. Báo cáo bộ phận

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch sinh hoạt.

3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC KON TUM

182 Trần Phú - Phường Trường Chinh – TP. Kon Tum – Kon Tum

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5. Số liệu so sánh

Là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Trong đó, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại do Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2020, cụ thể như sau:

Báo cáo KQKD	Số liệu so sánh trên BCTC năm 2021 trình bày lại		Số liệu năm 2020 trên BCTC năm 2020 được kiểm toán		Chênh lệch
	Mã số	Số liệu	Mã số	Số liệu	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	498	70	530	(32)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	498	71	530	(32)

Kon Tum, ngày 15 tháng 02 năm 2022

NGUYỄN THỊ KIM NGỌC
Người lập biểu

NGUYỄN THỊ KIM NGỌC
Kế toán trưởng



PHAN QUỐC HÒA
T Giám đốc

